TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN X
TỈNH LA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 67/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 26-10-2020
"V/v Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN X - TỈNH LA

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ Phượng

Các hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Trần Văn Nhị

2/ Bà Lê Thị Vân

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Lê Thị Thu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh LA.

Ngày 26 tháng 10 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện X xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 233/2020/TLST-HNGĐ, ngày 01/10/2020 về việc "Tranh chấp ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 79/2020/QĐST-HNGĐ, ngày 16/10/2020 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Thu H**, sinh năm 1973. Địa chỉ: thị trấn X, huyện X, tỉnh LA.

* Bị đơn: Ông **Lê Tấn S**, sinh năm 1966. Địa chỉ: thị trấn X, huyện X, tỉnh LA.

(Bà H, ông S có mặt.)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Theo đơn khởi kiện và lời trình bày của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu H trong suốt quá trình giải quyết vụ án có nội dung như sau:*

Bà và ông S tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn ngày 26/11/2001 tại Ủy ban nhân dân thị trấn X. Thời gian đầu ông bà chung sống hạnh phúc, sau phát sinh mâu thuẫn thường xuyên và ngày càng gay gắt. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, ông S không chăm lo cho gia đình, thường xuyên vắng nhà. Kinh tế gia đình khoảng 2 năm nay do bà tự gánh vác. Bà và ông S đã ly thân được khoảng 02 năm. Ông S làm gì bà cũng không biết. Do không thể hàn gắn được mối quan hệ hôn nhân này, nên bà yêu cầu được ly hôn với ông S.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, bà và ông S có 01 con chung tên Lê Tấn Sang sinh ngày 25/10/2010 hiện đang sống chung với bà và học ở

trường NTT tại thành phố TA. Khi ly hôn, bà yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con. Ông S thương con nhưng thường không ở nhà và hay cho con chơi game quá nhiều sẽ không tốt nên bà không đồng ý giao con chung cho ông S nuôi dưỡng. Hiện nay, bà bán cơm chay thu nhập bình quân từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng/tháng đủ điều kiện nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn ông Lê Tấn S trong suốt quá trình giải quyết vụ án trình bày có nội dung như sau:*

Ông không đồng ý ly hôn với bà H vì muốn vợ chồng đoàn tụ để cho con có gia đình đầy đủ cha mẹ. Ông thấy mâu thuẫn gia đình không lớn. Kinh tế gia đình trước đây ông đều lo, lương tháng của ông đều đưa cho bà H hết. Mấy năm nay, việc làm của ông không ổn định nên ông không có tiền đưa cho bà H.

Ông và bà H có 01 con chung tên Lê Tấn S, sinh ngày 25/10/2010. Hiện nay, con sống chung với bà H ở thành phố TA, cuối tuần có về nhà ở thị trấn X. Ông cũng có trách nhiệm với con trong việc chăm sóc, học hành. Nếu tòa giải quyết ly hôn, ông yêu cầu được nuôi con chung do bà H quá nghiêm khắc với con. Ông đi làm ở thành phố HCM, thu nhập từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng nhưng ông thường ở nhà tại thị trấn Thủ Thừa do công việc của ông là điều hành xe, nên có thể làm việc thông qua điện thoại.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án tiến hành thụ lý vụ án, hòa giải nhưng không thành.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thủ tục tố tụng:

1.1 Bà Nguyễn Thị Thu H nộp đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Lê Tấn S. Căn cứ nơi cư trú của bị đơn, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện X theo quy định tại Điều 28 và Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Nội dung:

2.1 Về quan hệ hôn nhân: Bà H và ông S tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn ngày 26/11/2001 tại Ủy ban nhân dân Thị trấn X. Hôn nhân của bà H và ông S là hôn nhân được pháp luật công nhận và bảo vệ. Nguyên nhân mâu thuẫn giữa bà H và ông S là do bất đồng quan điểm trong việc giáo dục con chung, kinh tế và lối sống. Bà H và ông S đã ly thân được khoảng 02 năm. Bà H xác định không thể hàn gắn được mối quan hệ hôn nhân này, nên yêu cầu được ly hôn với ông S.

Hội đồng xét xử xét thấy: Hôn nhân hạnh phúc dựa trên nền tảng của sự yêu thương, quan tâm, chăm sóc, cảm thông và chia sẻ. Cho đến nay, bà H xác

định tình cảm không còn và kiên quyết xin ly hôn với ông S vì không thể tiếp tục cuộc hôn nhân này. Ông S không đưa ra được bất kỳ giải pháp nào để hàn gắn cuộc hôn nhân. Do đó, Hội đồng xét xử xác định mâu thuẫn trong hôn nhân giữa 2 bên là trầm trọng, yêu cầu xin ly hôn của bà H phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nên có cơ sở chấp nhận.

2.2 Về nuôi con chung: Khi ly hôn, bà H yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Lê Tấn S, sinh ngày 25/10/2010, không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, cháu Lê Tấn S đang sống với bà H và tại phiên tòa cháu Sang xác định muốn sống chung với mẹ. Bà H có công việc ổn định và nhằm tránh sự thay đổi hoàn cảnh sống làm ảnh hưởng đến sự phát triển tâm lý trẻ và theo nguyện vọng của cháu Sang nên yêu cầu của bà H có cở sở chấp nhận. Giao cháu S cho bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, ông S không phải cấp dưỡng nuôi con do bà H không yêu cầu.

Mặc dù không trực tiếp nuôi dưỡng con chung, nhưng ông S được quyền đến thăm, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản. Vì lợi ích của con, thì một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

2.3 Về nợ chung, tài sản chung: Cho đến khi xét xử sơ thẩm, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết trong vụ án này. Nếu sau này có tranh chấp, các đương sự có quyền khởi kiện bằng vụ án khác theo quy định pháp luật.

Từ các phân tích trên, yêu cầu khởi kiện của bà H là có căn cứ chấp nhận toàn bộ.

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bà H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Ông S không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, 35, 39, 147, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, 117 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu H đối với ông Lê Tấn S.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thu H được ly hôn với ông Lê Tấn S.

2/ Về con chung: Giao 01 con chung tên Lê Tấn S, sinh ngày 25/10/2010 cho bà Nguyễn Thị Thu H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông Lê Tấn S không phải cấp dưỡng nuôi con do bà Nguyễn Thị Thu H không yêu cầu.

Mặc dù không trực tiếp nuôi dưỡng con chung, nhưng ông Lê Tấn S được quyền đến thăm, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản. Vì lợi ích của con chung thì cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình có quyền làm đơn yêu cầu xin thay đổi người trực tiếp nuôi con; mức cấp dưỡng nuôi con.

3/ Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thu H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007306, ngày 14/8/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện X, tỉnh LA. Bà Nguyễn Thị Thu H không phải nộp thêm. Ông Lê Tấn S không phải chịu án phí.

4/ Án xử sơ thẩm, các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

5/ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh LA;
- Chi cục THA huyện X;
- VKSND huyện X;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn X;
- Lưu HS

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Lê Thị Mỹ Phượng